

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 28-7-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam
Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị A, sinh năm 1995 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Kạn.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1993 (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: xóm G, xã H, huyện I, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hà Thị K – Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người làm chứng:*

- Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1970

- Bà Lý Thị M, sinh năm 1968

Ông L, bà M đều có địa chỉ xóm G, xã H, huyện I, tỉnh Cao Bằng. (*Cả hai đều có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án*)

- Bà Nông Thúy N; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Kạn (*Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hoàng Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị A trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn B quen nhau từ khi đi học Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên, sau đó hai bên tìm hiểu nhau và yêu nhau, thời gian yêu nhau khoảng 01 tháng, chị và anh cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 19/9/2019, hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ hỏi mà không tổ chức lễ cưới do anh B thời điểm này đang bị tạm giam. Sau khi kết hôn được 01 tháng thì anh B đi chấp hành án nên từ đó vợ chồng không chung sống cùng nhau. Anh B chấp hành án xong vào ngày 02/9/2021, có đến gia đình chị tại huyện E, tỉnh Bắc Kạn để chung sống với chị nhưng giữa chị và anh không đồng quan điểm và tiếng nói chung, chị không còn tình cảm với anh B, nên anh B đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện I, tỉnh Cao Bằng sinh sống. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, mẹ đẻ chị và cô dì của chị cũng khuyên bảo nhưng chị vẫn giữ nguyên ý kiến không muốn chung sống với anh B. Nay, chị xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

* Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Hoàng Dương Diệp Chi, sinh ngày 14/4/2020, cháu Chi phát triển bình thường và đang ở với chị. Khi chị mang thai, anh B đang chấp hành án, sau khi chị sinh cháu Chi, bố mẹ anh B có gửi quà và tiền hỗ trợ chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chi. Từ khi sinh cháu Chi đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chi, mẹ

để chị là bà Nông Thúy N giúp đỡ chị nhiều trong việc trông nom chăm sóc cháu Chi. Hiện tại chị đã ra ở trọ riêng bên ngoài, sống không phụ thuộc vào mẹ đẻ. Chị có đề nghị được là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con vì cháu Chi hiện nay dưới 36 tháng tuổi, đang sống ổn định với chị, chị có thu nhập mỗi tháng là hơn 8.000.000 đồng, từ tiền công đi làm tại Mobifone tỉnh Bắc Kạn là 4.000.000 đồng và thu nhập từ bán hàng cho cửa hàng mỹ phẩm, lưu niệm là 4.400.000 đồng, mẹ đẻ chị cũng giúp đỡ chị một phần trong việc trông nom chăm sóc cháu Chi.

* Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Hoàng Văn B tại bản tự khai, hòa giải, phiên tòa trình bày như sau:

* Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu và đăng ký hôn nhân như lời trình bày của chị A, anh vẫn còn tình cảm với chị A, anh và chị A không có mâu thuẫn gì do anh và chị A không chung sống với nhau, không có lời nói cãi chửi nhau. Chị A thay đổi tình cảm với anh là do chị A có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh rất mong muốn chị A suy nghĩ lại để cùng anh chung sống, cùng anh nuôi dạy con cái. Anh không đồng ý ly hôn với chị A.

* Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là cháu Hoàng Dương Diệp Chi, sinh ngày 14/4/2020. Khi mang thai và khi cháu Chi sinh thì anh đang chấp hành án nên không trực tiếp chăm sóc cháu Chi nhưng bố mẹ đẻ của anh là ông Hoàng Văn L và bà Lý Thị M đã hỗ trợ chị A rất nhiều về lương thực, tiền để chị A có điều kiện chăm sóc cháu Chi. Hiện nay anh đã chấp hành án xong, anh giúp đỡ gia đình làm nương rẫy và bán hàng vào các ngày chợ phiên với thu nhập hàng tháng gần 10.000.000 đồng. Bố mẹ đẻ anh có di chúc để cho anh được thừa kế số tiền 150.000.000 đồng, 02 mảnh đất và 05 con trâu, vì vậy, về kinh tế anh có thể đảm bảo cho cuộc sống của cháu Chi, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Chi và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng Hoàng Văn L và Lý Thị M trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh B. Anh B và chị A yêu thương nhau nên đã đăng ký kết hôn với nhau, ông bà rất quý mến chị A và cháu Chi. Anh B và chị A không có mâu thuẫn gì chỉ là chị A không chịu nói chuyện với anh B, không cho anh B sống chung. Ông bà rất mong muốn chị A suy nghĩ lại để đoàn tụ với anh B. Về cháu Chi, là con chung của chị A và anh B, khi chị A sinh cháu Chi thì anh B không ở nhà, ông bà đã thay anh B cung cấp lương thực và tiền hàng tháng để A có điều kiện nuôi dưỡng cháu Chi. Ông bà còn cho chị A 20.000.000 đồng để chị A mua xe đi làm. Nếu phải ly hôn thì ông bà mong muốn Tòa án giao cháu Chi cho anh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông bà sẽ hết sức hỗ trợ anh B trông nom nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Chi đến tuổi trưởng thành.

Người làm chứng Nông Thúy N vắng mặt, có lời khai trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị A, chị A và anh B quen biết nhau từ thời còn đi học chuyên nghiệp, rồi quý mến nhau, yêu nhau và đi đăng ký kết hôn năm 2019, gia đình hai bên chỉ tổ chức hỏi chưa tổ chức cưới do anh B bị giam. Sau khi B chấp hành án về đã đến gia đình bà nhưng chị A không nói chuyện với anh B, không cho anh B sống cùng nguyên nhân là do A muốn ly hôn với anh B. Gia đình nội ngoại của bà cũng đã khuyên bảo chị A đoàn tụ với anh B nhưng chị A kiên quyết muốn xin ly hôn. Việc hôn nhân của chị A với anh B do chị A và anh B quyết định, bà không có ý kiến gì. Về cháu Chi, trong thời gian A mang thai và sinh cháu Chi đều chung sống với bà, bà giúp đỡ chị A trông nom chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chi từ nhỏ. Hiện tại chị A đã ra ở trọ bên ngoài nhưng nếu có việc đi xa chị A đều gửi cháu Chi cho bà trông giúp và bà đều đồng ý. Nếu chị A anh B ly hôn, bà đề nghị giao cháu Chi cho chị A nuôi dưỡng, bà sẽ tiếp tục hỗ trợ chị A trông nom chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chi.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện I ngày 01/3/2022 xác định: Năm 2019, anh B và chị A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện I. Ngày 01/9/2021, anh B chấp hành án xong trở về địa phương, do chị A không sinh sống tại địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Anh B hiện tại đang phụ giúp gia đình làm nông nghiệp, bán hàng vào các ngày chợ phiên, thu nhập phụ thuộc vào bố mẹ.

Biên bản xác minh ngày 25/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Bắc Kạn thể hiện: Ngày 11/9/2019 chị A có đến Ủy ban nhân dân xã D để xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với anh B. Hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ hỏi, không tổ chức lễ cưới do thời điểm này anh B bị giam. Sau khi chấp hành án xong, anh B có đến gia đình chị A để sống chung nhưng chị A không muốn chung sống với anh B. Do anh B không sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại địa phương nên địa phương cũng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Về con chung, chị A và anh B có 01 con chung là cháu Hoàng Dương Diệp Chi, sinh ngày 14/4/2020, cháu Chi phát triển bình thường, từ khi sinh ra đến nay cháu Chi sống với chị A. Mẹ đẻ chị A là bà Nông Thúy N có giúp đỡ chị A trong việc trông nom chăm sóc cháu Chi. Khi chị A sinh cháu Chi, anh B đang chấp hành án, nhưng bố mẹ đẻ của anh B có gửi quà hỗ trợ chị A chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chi. Nếu chị A và anh B ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên, trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì nên giao cháu Chi cho chị A nuôi dưỡng do cháu Chi đang có cuộc sống ổn định với chị A, cháu Chi dưới 36 tháng tuổi, chị A có thu nhập hàng tháng và mẹ đẻ chị A có hỗ trợ chị A trông nom chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chi.

Tại bản án số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Dương Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị A được ly hôn với Anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Dương Diệp Chi, sinh ngày 14/4/2020 cho chị Dương Thị A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, anh B không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nếu anh B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B. Anh B, chị A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/5/2022 bị đơn Hoàng Văn B có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án không nhất trí với bản án số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị đơn Hoàng Văn B giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Vợ tôi muốn ly hôn là do có tình cảm với người khác, giữa chúng tôi không có mâu thuẫn gì, do vậy tôi đề nghị Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị A. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc chị A phải trả cho bố mẹ tôi là ông Hoàng Văn L và bà Lý Thị M với số tiền là 20 triệu đồng, và thanh toán cho tôi số tiền 78 triệu đồng là khoản tiền mà bố mẹ tôi đã gửi nuôi con chung giữa chị A và tôi.

Nguyên đơn Dương Thị A giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng Văn B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hoàng Văn B trình bày: Anh B và chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh B đi chấp hành án nên vợ chồng không có sự gần gũi, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, khi chị A sinh con thì anh B cũng không thể chăm sóc. Nay chị A xác định không còn tình cảm và yêu cầu xin được ly hôn. Về con chung thì hiện nay con chung còn nhỏ dưới 36 tháng nên cấp sơ thẩm giải quyết về quan hệ hôn nhân cũng như con chung là đúng. Việc anh B yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc chị A phải trả cho bố

mẹ anh B 20 triệu đồng, trợ giúp viên pháp lý nhận thấy, cấp sơ thẩm giải quyết bố mẹ anh B cũng được tham gia tố tụng, tuy nhiên cả anh B và bố mẹ đều không yêu cầu cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và đều khẳng định tài sản chung của vợ chồng không có gì nên nội dung kháng cáo này vượt quá thẩm quyền của cấp phúc thẩm, trợ giúp viên pháp lý đã giải thích cho đương sự tuy nhiên không đạt kết quả. Do đó đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo và quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của anh Hoàng Văn B là không có căn cứ, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện I tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Dương Thị A có yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng Văn B. Anh B cư trú tại xã H, huyện I, tỉnh Cao Bằng. Do đó thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Ngày 13/5/2022, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST, ngày 24/5/2022 bị đơn Hoàng Văn B có đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng. Đơn kháng cáo được gửi trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy đơn kháng cáo hợp pháp, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo về quan hệ hôn nhân.

Yêu cầu kháng cáo: Anh Hoàng Văn B cho rằng hai vợ chồng không có

mâu thuẫn trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị A, việc chị A muốn ly hôn là do có tình cảm với người đàn ông khác. Do vậy anh B mong muốn được đoàn tụ với chị A để cùng nuôi dạy con cái. Ngoài ra còn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc chị A phải trả cho bố mẹ anh B là ông Hoàng Văn L và bà Lý Thị M với số tiền là 20 triệu đồng là tiền cho chị A mua xe máy; thanh toán cho anh B số tiền 78 triệu đồng là khoản tiền mà bố mẹ anh B đã gửi nuôi con chung giữa chị A và anh B.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, xem xét các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Chị Dương Thị A và Anh Hoàng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện I, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn (01 tháng), anh B đi chấp hành án phạt tù, từ đó đến nay chị A và anh B không sống cùng nhau, tính đến nay đã hơn hai năm. Kết quả xác minh tại địa phương nơi chị A và anh B sinh sống đều xác định do anh B, chị A không chung sống cùng nhau tại địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn cũng như nguyên nhân của mâu thuẫn. Tại phiên tòa sơ thẩm, hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung và chị A mong muốn được ly hôn với anh Hoàng Văn B. Ngoài ra anh B cho rằng chị A có tình cảm với người đàn ông khác nhưng không có căn cứ chứng minh, hơn nữa hai bên đã sống ly thân một thời gian nguyên nhân xuất phát từ việc anh B đi chấp hành án, không chăm lo được cho gia đình, tình cảm vợ chồng không được vun đắp và hiện nay chị A đã không còn tình cảm với anh B, mong muốn được ly hôn với anh B. Do đó Tòa án sơ thẩm sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị A là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Hoàng Văn B kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không có biện pháp khắc phục tình cảm của vợ chồng, ngoài ra anh B luôn đến địa phương nơi chị A sinh sống gây khó khăn cho chị A, như vậy nếu xử để chị A về sống chung với anh B cũng không được hạnh phúc.

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu chị A phải trả số tiền 20 triệu đồng cho bố mẹ anh B, do bố mẹ anh B đã đưa cho chị A để mua xe máy. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy nội dung này anh B chưa yêu cầu cấp sơ thẩm xem xét, do đó cấp phúc thẩm không có thẩm quyền để xem xét. Đối với khoản

tiền anh B buộc chị A phải trả 78 triệu đồng, tại phiên tòa anh B rút yêu cầu này, hơn nữa nội dung này cũng chưa được cấp phúc thẩm xem xét. Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[4] Về nuôi con chung: Xét về điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị A và anh B, thấy rằng cả hai bên đương sự đều có điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Hoàng Dương Diệp Chi, sinh ngày 14/4/2020, tuy nhiên hiện cháu đang dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Tòa án sơ thẩm giao cháu Chi cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ, bảo đảm sự phát triển về mọi mặt cho cháu Chi, phù hợp với khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, nợ riêng: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của anh Hoàng Văn B không được chấp nhận nên anh B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn B, giữ nguyên quyết định của bản án Hôn nhân gia đình số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Cao Bằng.

Về án phí: Anh Hoàng Văn B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận anh B đã nộp đủ theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0002609 ngày 25/5/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS I;
- TAND I;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như